

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Long; Nơi cư trú: Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Hoàng Văn Hiệu; Nơi công tác: Huyện đoàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 04/2024/TLST-HS, ngày 26/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đ1 T1 – Sinh ngày 23/11/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 và bà Lê Thị L, sinh năm 1982; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Công L – Sinh ngày 25/5/2005

Nơi ĐKNKTT: Thôn 4, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1978; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 đến ngày 21 tháng 9 năm 2023 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Tuấn T2 – Sinh ngày 05/3/2005.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Đào Thị T, sinh năm 1980; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 đến ngày 21 tháng 9 năm 2023 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

4. Nguyễn Văn U – Sinh ngày 13/7/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 và bà Lê Thị H, sinh năm 1982; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Hữu Đ1 – Sinh ngày 12/7/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu L, sinh năm 1986 và bà Lê Thị T, sinh năm 1985; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn T3 – Sinh ngày 28/3/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1959 và bà Lê Thị T, sinh năm 1968; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Vũ Hoàng T4 – Sinh ngày 05/01/2006.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Văn N – Sinh ngày 06/9/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Thế Đ2 – Sinh ngày 26/7/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thế V, sinh năm 1975 và bà Lê Thị L, sinh năm 1981; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện:

1. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1, ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ2, ông Bùi Thế V, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

3. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T3, ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

4. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N, bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

5. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo U, bà Lê Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

* Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thế Đ2, Nguyễn Văn T3, Trần Văn N, bà Lê Thị L, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 6 thuộc T2tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu Đ1, Nguyễn Văn U, ông Trịnh Đình H, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 6 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

3. Người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng T4, Nguyễn Đ1 T1, bà Phan Thị N, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 6 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T3 và bị cáo Trần Văn N, ông Lê Đình C – Luật sư Công ty Luật Trí Tài, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn U và Nguyễn Đ1 T1 cùng học lớp 61B1 (lớp 12) Trường Cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa, do có mâu thuẫn với nhau nên chiều ngày 11/9/2023 T1 và U xô sát với nhau tại khu vực trông giữ xe của nhà trường, T1 dùng tay, chân đánh U, còn U dùng chìa khóa đâm vào đầu T1, lúc này có Trần Văn N và Trần Văn T3 đều là bạn cùng lớp của T1 và U lao vào đánh U, bạn của U là Trần Hữu Đ1 rút 01 cây gậy sắt trong cặp ra để đe dọa không cho nhóm của T1 tiếp tục đánh U, sau đó sự việc được dừng lại.

Đến tối ngày 11/9/2023, U và T1 nhận tin hẹn 13h ngày 12/9/2023 gặp nhau tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp giải quyết mâu thuẫn. Cả U và T1 đều rủ thêm người nhằm mục đích đi đến trường để đánh nhau.

Nhóm của U có 8 người gồm: Nguyễn Văn Uy, Trần Hữu Đ1, Lê Xuân Đức A, Lê Long N, Lê Kim T, Lê Văn Đ, Lê Duy V và Lê Trọng M.

Nhóm của T1 có 10 người gồm: Nguyễn Đức T1, Trần Văn N, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn T2, Bùi Thế Đ2, Vũ Hoàng T4, Bùi Văn Đ, Trịnh Hữu A, Ngô Hữu T.

Đến 13 giờ 15 phút ngày 12/9/2023 nhóm của U đến tập T2 tại khu vực đường gần khu vực ký túc xá bên trong Trường cao đẳng Nông nghiệp.

Trước khi đi U chuẩn bị sẵn 1 con dao từ nhà và bỏ trong cặp, Trần Hữu Đ1 đem theo 1 cây gậy 3 khúc bằng sắt bỏ trong cặp.

Khoảng 10 phút sau thì nhóm của T1 đi đến, trước khi gặp nhóm của U, Ngô Hữu T lấy 01 cây gậy 3 khúc bằng sắt đã chuẩn bị sẵn trong cặp đưa cho Nguyễn Công L, còn Nguyễn Văn T3 cầm theo 1 tua vít.

Khi gặp nhau T1, T2, L, T3, T4 lao vào đánh Uy, trong đó L dùng gậy sắt đánh Uy; T1 dùng tay chân đánh Uy và Đ1, cầm gạch đe dọa; Trần Hữu Đ1 thấy U bị đánh thì lấy gậy trong cặp ra đánh 1 cái vào tay của T2; T2 giật được gậy và quay lại đánh Đ1; L dùng gậy đánh Đ1; T3 dùng tua vít đâm vào chân Đ1; T4, Đạt và Trần Văn N đều dùng tay chân đánh Đ1, U. Lúc này U lấy dao trong cặp ra, vung dao chém để đe dọa, không trúng ai. U, Đ1, Lê Xuân Đức A chạy đến đánh N bằng tay, chân rồi cả ba chạy vào khu vực ký túc xá của Trường, nhóm của T1 đuổi theo đến chân cầu thang ký túc xá thì dừng lại và bỏ đi khi thấy bảo vệ của trường đến, các đối tượng còn lại chỉ đi theo và đứng quan sát, không tham gia đánh nhau. Sau khi đánh nhau, Đ1 bị thương và được U đưa đi sơ cứu, các đối tượng còn lại dời khỏi hiện trường.

Hiện trường xảy ra vụ án được xác định là đoạn đường nhựa và vỉa hè phía Tây trong khuôn viên của Trường cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, phía Nam hướng ra cổng chính, phía Đông giáp vỉa hè, lề bê tông và khu nhà Hiệu bộ, phía Tây giáp khu nhà ở ký túc xá, khu căng tin, sân vận động. Mặt đường rộng 7,5m, vỉa hè lát gạch rộng 3,1m. Tại vị trí lề bê tông tiếp giáp giữa vỉa hè phía Tây và bờ tường rào của sân vận động, cách cột cổng phụ vào ký túc xá 8m, cách bờ tường rào phía Tây 0,7m phát hiện 2 cây gậy kim loại, dạng gậy 3 khúc, có thể điều chỉnh độ dài tối đa là 0,64m, phần cán bọc cao su màu đen, đã qua sử dụng.

Tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã trích xuất hình ảnh video từ các camera của Trường cao đẳng Nông nghiệp ghi nhận nội dung diễn biến 02 nhóm đối tượng đánh nhau. Đoạn đường diễn ra việc truy đuổi, hò hét, đánh nhau dài khoảng 25m, kéo dài từ khu vực trục đường chính trong trường lên đến khu ký túc xá. Thời điểm xảy ra sự việc là khi đang có đông học sinh tập T2 ở trường để chuẩn bị lên lớp, hành vi hò hét, đánh nhau đã gây náo loạn, làm các học sinh, sinh viên trong trường hoang mang. Đại diện Trường cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa và đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận sự việc 02 nhóm học sinh đem theo hung khí đánh nhau, truy đuổi vào ngày 12/9/2023 đã gây mất an ninh trật tự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của học sinh, sinh viên trong nhà trường.

Sau khi sự việc xảy ra những người bị thương tích gồm Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Lê Xuân Đức A, Nguyễn Đức T3. Do thương tích không nghiêm trọng, xây sát nhẹ, những người này đều từ chối giám định thương tích.

Quá trình xảy ra sự việc, T2 còn có hành vi cầm điện thoại của U để ném làm hư hỏng điện thoại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn đã thu giữ chiếc điện thoại Iphone 6S màu sẫm do U giao nộp với tình trạng: màn hình vỡ nát lộ các bộ phận bên trong máy, được xác định hư hỏng hoàn toàn; Tại bản kết luận định giá số 998/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định giá trị tài sản tại thời điểm trước khi bị hư hỏng là 1.500.000đ.

Cơ quan điều tra đã giám định 02 đoạn video trích xuất từ camera an ninh của Trường cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa. Tại bản kết luận giám định số 4667/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phòng lý thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung ảnh trong 2 video gửi giám định, Cơ quan giám định đã trích xuất 6 ảnh mô tả diễn biến sự việc đánh nhau, truy đuổi giữa các bị cáo.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S cho Nguyễn Văn U; chuyển bảo quản chờ xử lý theo quy định: 02 gậy kim loại, dạng gậy 3 khúc; 01 tua vít bằng kim loại dài 25cm, cán bằng nhựa màu đỏ dài 07cm, đã qua sử dụng; 01 con dao, dạng dao phay, chiều dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao kim loại màu đen dài 22cm, lưỡi dao rộng 10cm, đã qua sử dụng.

* Cáo trạng số 20/ CT – VKS - TS ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn T2 Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Đức T1, Bùi Thế Đ2, Nguyễn Văn T3, Vũ Hoàng T4 và Trần Văn N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX.

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn T2, Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Đức T1, Bùi Thế Đ2, Nguyễn Văn T3, Vũ Hoàng T4 và Trần Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 Bộ luật hình sự.

* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, (Thắng áp dụng thêm điều 91, 101) Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đ1 T1, Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn T2 từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Văn T3, từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với các bị cáo Vũ Hoàng T4, Trần Văn N và Bùi Thế Đ2 từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

* Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 gậy kim loại, dạng gậy 3 khúc; 01 tua vít bằng kim loại dài 25cm, cán bằng nhựa màu đỏ dài 07cm, đã qua sử dụng; 01 con dao, dạng dao phay, chiều dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao kim loại màu đen dài 22cm, lưỡi dao rộng 10cm, đã qua sử dụng.

*Về dân sự: Những người bị thiệt hại về sức khỏe, tài sản trong vụ án không yêu cầu giải quyết về phần dân sự, nên không xem xét.

****Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo :***

(1) *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T3:* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T3 thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo, các điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T3 vì hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trong thời gian ngắn, chưa gây ra thiệt hại; Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là hơi cao, đề nghị xử bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp.

(2) *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N:* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo N đồng ý với đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, Tuy nhiên không đồng ý truy tố bị cáo N theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự vì bị cáo N chỉ dùng tay, chân đánh nhau, không được bàn bạc dùng hung khí, N cũng không được phân công đem theo hung khí để đi đánh nhau, không thấy ai phân công cho ai đem theo hung khí, những người sử dụng hung khí không bàn bạc với N về việc sẽ sử dụng hung khí nên N không cùng chung ý trí về việc dùng hung khí. Bản thân N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và chưa gây thiệt hại, khai báo thành khẩn theo quy định tại điểm s,i, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng Điều 93 Bộ luật hình sự khiến trách đối với bị cáo N.

(3)Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đạt:

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Đạt thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo, các điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người chưa thành niên, tinh thần và thể chất chưa được phát triển hoàn thiện, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội lần đầu và chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo được tặng giấy khen do có thành tích học tập tốt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, i khoản 1, khoản Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự , xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

(4)Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T1 và bị cáo T4

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T1 và bị cáo T4 vắng mặt nhưng có bản bào chữa thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát về hành vi phạm tội

của các bị cáo và các điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo là người chưa thành niên, tinh thần và thể chất chưa được phát triển hoàn thiện, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra các bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo T4 phạm tội lần đầu và chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, quá trình sống tại địa phương các bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật được địa phương xác nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, (điểm i đối với bị cáo T4) khoản 1, khoản Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự, xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội, thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có điều kiện tiếp tục theo học tại trường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 12/9/2023, xuất phát từ mâu thuẫn giữa Nguyễn Văn U và Nguyễn Đ1 T1 trong quá trình học tập tại lớp cả hai đều gọi thêm người và chuẩn bị sẵn hung khí gồm dao phay, gậy ba khúc, tua vít. Khi gặp nhau tại cổng trường Trường cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa, Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Đ1 T1, Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Văn T3 sử dụng hung khí lửa đuổi, hò hét, chửi mắng, đánh nhau; Trần Văn N, Vũ Đ1 T4, Bùi Thế Đ2 dùng tay, chân tham gia đánh nhau, hò hét và lửa đuổi nhau. Đoạn đường diễn ra việc lửa đuổi, hò hét, chửi mắng, đánh nhau dài khoảng 25m, kéo dài từ khu vực trục đường chính trong trường lên đến khu ký túc xá. Thời điểm xảy ra sự việc là giờ chuẩn bị lên lớp nên có nhiều học sinh của trường đứng từ xa xem, khi các bị cáo cầm hung khí lửa đuổi nhau thì học sinh trong trường la hét, bỏ chạy.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản hiện trường, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Đ1 T1, Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Văn T3 sử dụng hung khí đánh nhau, đe dọa, hò hét, lừa đuổi nhau tại trục đường chính của Trường đã gây náo loạn, làm các học sinh, sinh viên trong trường hoang mang, lo lắng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu tạo tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Văn N, Vũ Đ1 T4, Bùi Thế Đ2 dùng tay, chân tham gia đánh nhau và tham gia lừa đuổi nhau. N, T4 và Đạt đã thấy và biết việc các bị cáo khác dùng hung khí nguy hiểm để đánh nhau, lừa đuổi nhau nhưng vẫn tham gia, cùng chung ý trí thực hiện tội phạm nên hành vi của các bị cáo đồng phạm về tội “Gây rối trật tự công cộng” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân trong quá trình học tập dẫn đến các bị cáo có hành vi dùng dao, gây ba khúc, tua vít đánh nhau, chửi mắng, hò hét và lừa đuổi nhau. Sự việc xảy ra tại khu vực trục đường chính trong Trường cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa lên đến khu ký túc xá. Thời điểm xảy ra sự việc là khi đang có đông học sinh tập T2 ở Trường để chuẩn bị lên lớp, hành vi đánh nhau, hò hét, chửi mắng, lừa đuổi lẫn nhau đã gây náo loạn, làm các học sinh, sinh viên trong trường hoang mang. Đại diện Trường cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa và đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận sự việc 02 nhóm học sinh đem theo hung khí đánh nhau, lừa đuổi vào ngày 12/9/2023 đã gây mất an ninh trật tự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của học sinh, sinh viên trong nhà trường. Do đó cần xử các bị cáo mức án nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công vai trò một cách chặt chẽ. Tất cả các bị cáo đều trực tiếp thực hành hành vi phạm tội. Mỗi bị cáo có mức độ hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Nguyễn Đ1 T1 là người khởi xướng, chủ động hện gặp Uy để đánh nhau và rủ những bị cáo khác đi cùng. Quá trình đánh nhau T1 dùng tay chân đánh Uy và Đ1, cầm gạch đe dọa, lừa đuổi nhau, nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Trung, L, T3, Đ1 và Uy dùng hung khí là dao, gây ba khúc và tua vít đánh nhau, lừa đuổi nhau và là người thực hành nên giữ vai trò ngang nhau và thứ 2 trong vụ án

Thái, N và Đạt dùng tay, chân đánh nhau và lừa đuổi nhau nhưng đã thấy và biết việc các bị cáo khác dùng hung khí nguy hiểm để đánh nhau, lừa đuổi nhau nhưng vẫn tham gia nên cũng là người thực hành nhưng ở vai trò thứ 3 trong vụ án.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng
- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xét thấy các bị cáo Vũ Hoàng T4, Trần Văn N và Bùi Thế Đ2 tham gia vụ án với vai trò đồng phạm thứ yếu, không đáng kể trong vụ án, các bị cáo không trực tiếp cầm theo hung khí để đánh nhau và lừa đuổi, mà chỉ chạy theo tham gia cùng các bị cáo Trung, L, Đ1, T3, Uy và T1, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu nên hành vi của các bị cáo có mức độ, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T4, N và Đạt là phù hợp.

Quá trình sống tại địa phương các bị cáo đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật, được chính quyền địa phương xác nhận; Bị cáo Bùi Thế Đ2 2 năm liền được tặng giấy khen của Hiệu trưởng Trường THPT Triệu Sơn 2 do có thành tích tốt trong học tập; Bị cáo T3 có ông nội được tặng giấy khen, có bố được tặng giấy khen; Bị cáo N có bà nội được tặng Huân chương kháng chiến; Bị cáo Uy có ông ngoại được tặng huân chương kháng chiến, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Đ1 T1, Bùi Thế Đ2, Nguyễn Văn T3, Vũ Hoàng T4 và Trần Văn N phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Điều 91, Điều 101 về nguyên tắc xử L đối với người chưa thành niên phạm tội để xử L đối với các bị cáo.

Các bị cáo Vũ Hoàng T4, Trần Văn N và Bùi Thế Đ2 có 2 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51, nên căn cứ vào Điều 54 Bộ luật hình sự, xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp

Xét thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sống tại địa phương chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo T1, Uy, T3, Đ1, N, T4, và Đạt đang là học sinh theo học tại các Trường cao đẳng nông nghiệp, Trường Phổ thông Triệu Sơn và Trường PTTH Triệu Sơn 2, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 gậy kim loại, dạng gậy 3 khúc; 01 tua vít bằng kim loại dài 25cm, cán bằng nhựa màu đỏ dài 07cm; 01 con dao, dạng dao phay, đã qua sử dụng.

[7] Đối với Lê Xuân Đ1 Anh là đối tượng có hành vi tham gia dùng tay, chân để xô xát, đánh nhau cùng Uy và Đ1, tuy nhiên tại thời điểm xảy ra sự việc, Đ1 Anh chưa đủ 16 tuổi nên không đủ căn cứ xử L hình sự về tội “ Gây rối trật tự công cộng” đối với Lê Xuân Đ1 Anh.

Đối với Ngô Hữu Thu có hành vi đưa gậy sắt cho Nguyễn Công L nhưng không tham gia đánh nhau, xét thấy Thu đưa gậy cho L với mục đích là để đánh nhau, việc L cùng các bị cáo đánh nhau, hò hét, lừa đuổi gây mất trật tự công cộng là hành vi mà Thu không biết trước. Do đó chưa đủ căn cứ để xử L Ngô Hữu Thu về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

[8] Hành vi của các bị cáo đánh nhau chưa đủ yếu tố cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển xử L hành chính là phù hợp.

Nguyễn Tuấn T2 có hành vi làm hư hỏng tài sản là chiếc điện thoại di động Iphone 6S trị giá 1.500.000đ của Nguyễn Văn U, chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Cơ quan điều tra đã chuyển xử L hành chính là phù hợp.

[9] Về dân sự: Những người bị thiệt hại về sức khỏe, tài sản trong vụ án không yêu cầu giải quyết về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Công L, Nguyễn Tuấn Trung, Nguyễn Văn U, Trần Hữu Đ1, Nguyễn Đ1 T1, Bùi Thế Đ2, Nguyễn Văn T3, Vũ Hoàng T4 và Trần Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Công L: 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Trung: 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ1 T1: 22 tháng 5 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng 10 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U: 20 tháng 2 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng 4 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ1: 20 tháng 2 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng 4 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3: 20 tháng 2 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng 4 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng T4: 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N: 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thế Đ2: 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo L, T2, T1, T3, T4, Đặt cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã D trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo U, Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Dân Quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6] *Vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 gậy kim loại, dạng gậy 3 khúc; 01 tua vít bằng kim loại dài 25cm, cán bằng nhựa màu đỏ dài 07cm, đã qua sử dụng; 01 con dao, dạng dao phay, chiều dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao kim loại màu đen dài 22cm, lưỡi dao rộng 10cm, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 29 -/VC/2024, ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136, 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- VKS tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Người đại diện;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Lan

